

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 02 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Thanh Bình
- Ông Lưu Minh Sử

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, cư trú tại: xóm , xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Xuân M, sinh năm 1978, cư trú tại: xóm , xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Vũ Xuân M qua tìm hiểu, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thọ Xuân vào ngày 25/12/2004, sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 13 năm thì không còn hạnh phúc, mà tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau; nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, công việc và vấn đề kinh tế; anh M không tu chí làm ăn, hay giao du bạn bè, không quan tâm đến vợ con làm ảnh hưởng đến kinh tế và tình cảm vợ chồng. Từ tháng 4 năm 2018 anh M có qua lại với người con gái khác và bỏ ra sống riêng, chị H và gia đình có khuyên bảo nhưng anh M không thay đổi, nên mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là Vũ Tuấn Đ, sinh ngày 13/10/2005 và Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 01/12/2012; nguyện vọng của chị H là được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng vì hiện tại cả 02 con chung đang ở với chị H từ sau khi vợ chồng sống ly thân và chị H có đủ khả năng về kinh tế và thời gian để nuôi dưỡng chăm sóc.

Về tài sản và công nợ: Chị H xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Xuân M đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại bản tự khai ngày 31/01/2019 cháu Vũ Tuấn Đ trình bày: trong thời gian vừa qua bố mẹ cháu là Vũ Xuân M và Nguyễn Thị H có mâu thuẫn về tình cảm, bố cháu (anh M) sống ở ngoài quán còn cháu Đ và em gái là Vũ Thị Khánh L sống với mẹ (chị H). Cháu Đ mong muốn bố mẹ đoàn tụ, còn trường hợp bố mẹ không thể hàn gắn được tình cảm, cháu Đ xin được ở với mẹ vì hiện tại cháu Đ đang ở với mẹ và đang được đi học tại xã X.

Tại biên bản xác minh ngày 15/02/2019, Ủy ban nhân dân xã X cho biết: Anh Vũ Xuân M và chị Nguyễn Thị H có quan hệ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X vào ngày 25/12/2004; quá trình chung sống anh M và chị H có 02 con chung là Vũ Tuấn Đ, sinh ngày 13/10/2005 và Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 01/12/2012. Tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị H hiện tại đã sống ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Vũ Xuân M; Về con chung: giao cháu Vũ Tuấn Đ và Vũ Thị Khánh L cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh Vũ Xuân M không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Vũ Xuân M, cư trú tại: xã X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Vũ Xuân M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất cho anh Vũ Xuân M (Tòa án tổng đạt trực tiếp cho anh M) nhưng anh M không đến Tòa án làm việc; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Xuân M tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/12/2004, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là hôn nhân hợp pháp. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh M với lý do tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh M đã không còn hạnh phúc mà có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, công việc và vấn đề kinh tế; anh M không tu chí làm ăn, hay giao du bạn bè, không quan tâm đến vợ con làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và tình cảm vợ chồng; từ tháng 4 năm 2018 anh M còn có qua lại với người con gái khác và bỏ ra sống riêng; chị H và gia đình có khuyên bảo nhưng anh M không thay đổi, nên mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng; chị H và anh M đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018. Quá trình giải quyết vụ án anh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh M không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Vũ Xuân M.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Xuân M có 02 (hai) con chung là Vũ Tuấn Đ, sinh ngày 13/10/2005 và Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 01/12/2012.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị H, thấy rằng: cháu Vũ Tuấn Đ và cháu Vũ Thị Khánh L đang ở ổn định với chị H; cháu Đ đã trên 7 tuổi, còn cháu L hiện chưa đủ 7 tuổi, tại bản tự khai ngày 31/01/2019 cháu Đ thể hiện nguyện vọng xin được ở với chị H. Chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung và có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; trong khi anh M quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, nhưng không đến Tòa án làm việc, không trình bày quan điểm về nuôi con chung. Do đó xét quyền lợi về mọi mặt của con cần thiết giao cả 02 con chung là Vũ Tuấn Đ và Vũ Thị Khánh L cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: anh M không có lời khai trong hồ sơ, còn chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị H, do đó Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

[4] Về phân tài sản và công nợ: Chị H xác định để vợ chồng từ thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi anh M chưa có lời khai trong hồ sơ, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết về phân tài sản và công nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H,

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Vũ Xuân M.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Xuân M có 02 (hai) con chung là Vũ Tuấn Đ, sinh ngày 13/10/2005 và Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 01/12/2012, hiện tại cả 02 con chung đang ở với chị H;

Giao cả 02 con chung là Vũ Tuấn Đ và Vũ Thị Khánh L cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Vũ Xuân M cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vũ Xuân M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản*: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001325 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến